

Số: **130** /KH-UBND

Quảng Trị, ngày **31** tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Chương trình).

Trên cơ sở đề xuất của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 257/TTr-BDT ngày 19/5/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (gọi tắt là Kế hoạch), với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình trong năm 2023, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ đã được cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách hướng dẫn của Trung ương và các văn bản hướng dẫn của tỉnh để thực hiện chương trình trên địa bàn; triển khai tổ chức thực hiện tốt các nội dung chính sách của Chương trình đã được phân bổ trong kế hoạch năm 2023 và nguồn chuyển tiếp năm 2022 thực hiện năm 2023 góp phần hoàn thành tốt mục tiêu, các chỉ tiêu về giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương về thực hiện Chương trình. Phân công trách nhiệm cụ thể từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong từng nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình. Chú trọng công tác phối hợp và kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện để đảm bảo tiến độ; phát huy hiệu quả nguồn lực trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Đánh giá tình hình thực hiện năm 2022

a. Cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

Năm 2022, tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch¹ triển khai Quyết định số 1719/QĐ-TTg để làm cơ sở, căn cứ cho các đơn vị, địa phương đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

UBND tỉnh đã trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản² để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình theo quy định; đồng thời, phân công nhiệm vụ, nội dung cho các đơn vị, địa phương trong công tác tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản, quy định về cơ chế, chính sách; hướng dẫn thực hiện Chương trình.

b. Công tác kiện toàn Ban chỉ đạo các cấp:

Cấp tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025³; Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025⁴; Thành lập Tổ giúp việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025⁵; ban hành quy định quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025⁶. Cấp huyện có 5/5 huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia cấp huyện giai đoạn 2021-2025.

c. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 23/8/2022 về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021- 2025. Trên cơ sở đó, các kế hoạch giám sát, đánh giá cụ thể cho các năm 2022, 2023 đã được ban hành. Trong đó, công tác kiểm tra, giám sát năm 2022 (năm đầu thực hiện Chương trình) tập trung chủ yếu vào việc hỗ trợ giải đáp những khó khăn, vướng mắc, hướng dẫn các địa phương thực hiện các nội dung của Chương trình đảm bảo theo quy định.

- Các sở, ban, ngành có liên quan: Trên cơ sở nguồn kinh phí được giao năm 2022, chủ động lồng ghép nội dung kiểm tra cùng với các chương trình, chính sách và các nhiệm vụ chuyên môn khác của sở, ban, ngành.

¹ Kế hoạch số 1706/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025.

² Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

³ Quyết định 960/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

⁴ Quyết định 1499/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế hoạt động của ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2021-2025

⁵ Quyết định 2155/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 19/8/2022 về việc thành lập Tổ giúp việc của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

⁶ Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh về ban hành quy định quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025

- UBND các huyện: Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chương trình trên địa bàn quản lý theo quy định.

d. Kết quả thực hiện Chương trình năm 2022

- Nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022: 242.729 triệu đồng, cụ thể:

+ Nguồn ngân sách Trung ương năm 2022: 216.314 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển 150.630 triệu đồng, vốn sự nghiệp 65.684 triệu đồng.

+ Nguồn ngân sách địa phương (vốn đối ứng): 26.415 triệu đồng.

- Tình hình giải ngân nguồn vốn đến thời điểm 31/01/2023:

+ Vốn đầu tư phát triển 32.197 triệu đồng/150.630 triệu đồng đạt tỷ lệ 21,4% vốn kế hoạch Trung ương giao.

+ Vốn sự nghiệp 19.347 triệu đồng/65.684 triệu đồng đạt tỷ lệ 29,45% vốn kế hoạch Trung ương giao.

Trong năm 2022, thời gian thực tế thực hiện Chương trình ngắn (vốn chương trình được phân bổ từ tháng 6/2022); còn nhiều văn bản hướng dẫn của các bộ ngành còn chưa đầy đủ, chưa thống nhất; và việc xây dựng các kế hoạch đòi hỏi sự tham gia của nhiều đơn vị, địa phương nên mất nhiều thời gian, do đó việc thực hiện Chương trình còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy, giá trị giải ngân của Chương trình năm 2022 còn thấp, tỷ lệ đạt mục tiêu toàn Chương trình trong năm 2022 còn hạn chế.

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là chương trình hoàn toàn mới lần đầu tiên được ban hành để thực hiện trong giai đoạn 2021-2025, bao gồm 10 dự án, trong đó có nhiều nội dung phức tạp thuộc nhiều lĩnh vực và do các ngành khác nhau chủ trì, tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện bước đầu gặp nhiều lúng túng cả về lý luận và thực tiễn ở cả cấp địa phương và Trung ương. Do đó, trong quá trình thực hiện, những nội dung nào đã rõ, có hướng dẫn thì cơ sở tích cực triển khai thực hiện. Những nội dung nào chưa có hướng dẫn rõ của Trung ương thì tích cực chuẩn bị sẵn sàng thực hiện khi có hướng dẫn đầy đủ hơn của Trung ương.

2. Mục tiêu năm 2023

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên 3%.

- Tập trung mọi nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để giảm số xã và thôn bản đặc biệt khó khăn trong các năm 2024 và năm 2025.

- Thực hiện 6 dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại địa bàn thuộc 3 huyện Hướng Hóa, Đakrông và Vĩnh Linh.

- Hỗ trợ 226 danh mục công trình đầu tư mới và chuyển tiếp như: đường giao thông; công trình nhà văn hóa thôn, công trình nước sinh hoạt tập trung, công trình điện sinh hoạt, công trình trường tiểu học....

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm các cơ quan ban ngành, đoàn thể các cấp, các đối tượng hưởng lợi; tập huấn nâng cao năng lực quản lý điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình cho cán bộ các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp người dân tham gia thực hiện Chương trình, giữ gìn an ninh trật tự, an ninh biên giới.

3. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

Ngân sách nhà nước bố trí thực hiện chương trình: 499.411 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách Trung ương: 396.966 triệu đồng.

- Vốn đầu tư phát triển: 192.739 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 204.227 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách địa phương: 39.697 triệu đồng

- Vốn đầu tư phát triển: 19.274 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 20.423 triệu đồng.

Trong quá trình điều hành, địa phương tiếp tục cân đối ngân sách địa phương để ưu tiên hỗ trợ thêm cho Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

c) Vốn tín dụng: 52.500 triệu đồng

d) Vốn huy động hợp pháp khác: 10.248 triệu đồng

e) Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức có liên quan triển khai thực hiện việc lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết 29/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị về Ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư thực hiện các chương trình, đảm bảo không trùng lắp, chồng chéo giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, phù hợp với thực tế, đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

4. Nội dung thực hiện các dự án thành phần

1) Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

a) Nội dung thực hiện

- Hỗ trợ đất ở; Hỗ trợ nhà ở;

- Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất; Hỗ trợ chuyển đổi nghề;

- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán;

- Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: 17 công trình (Trong đó có 10 công trình chuyển tiếp; 7 công trình khởi công mới).

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 54.836 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 49.851 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 37.120 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 12.731 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 4.985 triệu đồng (đối ứng vốn đầu tư phát triển: 3.712 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 1.273 triệu đồng).

2) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Nội dung thực hiện: Thực hiện 6 dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại địa bàn thuộc 3 huyện Hướng Hóa, Đakrông và Vĩnh Linh.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 31.614 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 28.740 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 22.350 triệu đồng và vốn sự nghiệp 6.390 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 2.874 triệu đồng (đối ứng vốn đầu tư phát triển: 2.235 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 639 triệu đồng).

3) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Nội dung thực hiện

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng;

- Hỗ trợ bảo vệ rừng;

- Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ;

- Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ;

- Trợ cấp gạo cho người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 37.751 triệu đồng, trong đó:

Ngân sách Trung ương: 34.319 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

Ngân sách địa phương: 3.432 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

3.2) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a1) Nội dung số 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

- Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, ...) và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện.

- Hỗ trợ các mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế đối với các

địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

a2) Nội dung số 2: Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

- Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông.

a3) Nội dung số 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, mô hình khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 60.377 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 54.888 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 54.888 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 5.489 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 5.489 triệu đồng).

4) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

4.1) Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung thực hiện

- Đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các loại công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh trên địa bàn xã, thôn ĐBK.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn; công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư bị hư hỏng, xuống cấp.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 115.048 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 104.589 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 95.045 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 9.544 triệu đồng).

- Ngân sách Trung ương: 10.459 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 9.505 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 954 triệu đồng).

5) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc có học sinh sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung thực hiện

- Bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú.

- Tổ chức lớp xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc bán trú;

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc bán trú;

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 22.235 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 20.214 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 12.250 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 7.964 triệu đồng);

- Ngân sách Trung ương: 2.021 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 1.225 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 796 triệu đồng).

5.2) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho các đối tượng 3,4.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 464 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 422 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

- Ngân sách địa phương: 42 triệu đồng (Vốn sự nghiệp);

5.3) Tiểu dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

- Hỗ trợ đào tạo nghề, tổ chức chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm; cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho các đối tượng.

- Tổ chức phiên giới thiệu việc làm và các hội nghị tư vấn nhằm tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 14.419 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 13.108 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

- Ngân sách địa phương: 1.311 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

5.4) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đối tượng là cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Tổ chức Hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và các bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Tổ chức các đợt học tập, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm tại các tỉnh, thành phố trong nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình.

- Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 6.155 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 5.595 triệu đồng (Vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương: 560 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

6) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Nội dung thực hiện

- Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa truyền thống tại địa phương: thực hiện khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hoá truyền thống, bảo tồn lễ hội truyền thống, hỗ trợ nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

- Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể; chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch.

- Xây dựng câu lạc bộ văn hóa dân gian các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư; Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; Hỗ trợ hoạt động cho các đội văn nghệ truyền thống.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể dục thể thao vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ trang thiết bị vùng đồng bào DTTS; đầu tư xây dựng điểm thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch tiêu biểu tại vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản truyền thống tiêu biểu của các DTTS trên địa bàn tỉnh.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 36.719 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 33.381 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 25.974 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 7.407 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 3.338 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 2.597 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 741 triệu đồng).

7) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Nội dung thực hiện

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em nhằm giảm thiểu tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 3.820 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 3.473 triệu đồng (Vốn sự nghiệp: 3.473 triệu đồng).
- Ngân sách địa phương: 347 triệu đồng (Vốn sự nghiệp: 347 triệu đồng).

8) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Nội dung thực hiện

- Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 10.138 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 9.216 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)
- Ngân sách địa phương: 922 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

9) Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1) Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế-xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

a) Nội dung thực hiện

Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế bằng cách cho vay vốn.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 34.363 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 31.239 triệu đồng (Vốn sự nghiệp: 31.239 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 3.124 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

9.2) Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung thực hiện

- Công tác truyền thông: Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về hôn nhân, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, thông tin về chính sách pháp luật, kiến thức về hôn nhân và gia đình. Tổ chức tuyên truyền nhằm hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Tổ chức các hoạt động tìm hiểu pháp luật về hôn nhân và kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết ...

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực: Tổ chức tập huấn cho các đối tượng là cán bộ không chuyên trách cấp xã, cấp thôn và cộng đồng về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

- Tổ chức các đợt kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện mô hình, dự án và thực hiện các chính sách.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 2.782 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 2.529 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)
- Ngân sách địa phương: 253 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

10) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

a) Nội dung thực hiện

- Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

- Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số

- Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 3.127 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 2.843 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)
- Ngân sách địa phương: 284 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

10.2) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung thực hiện

- Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023.

- Hỗ trợ thiết lập đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;

- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 1.275 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 1.159 triệu đồng (Vốn sự nghiệp: 1.159 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 116 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

10.3) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tại các địa phương.

- Trang bị phương tiện, máy móc, văn phòng phẩm.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn: 1.540 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 1.400 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

- Ngân sách địa phương: 140 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

5. Dự án đầu tư, tỷ lệ dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù

a. Dự án đầu tư:

Phụ lục 02 kèm theo (thực hiện theo Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

b. Tỷ lệ dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù:

Phụ lục 03 kèm theo (Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc chương trình năm 2023 là 37% trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc chương trình).

UBND các huyện ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 theo cơ chế đặc thù; đảm bảo tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 tối thiểu đạt 15% tổng số lượng dự án đầu tư xây dựng thuộc

Chương trình trên địa bàn (được quy định tại Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh).

III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, cuộc vận động về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc xây dựng, ban hành hoặc trình ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn thực hiện chương trình đảm bảo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình.

- Tăng cường công tác nắm bắt, trao đổi thông tin từ các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình; phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc và tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời, triệt để những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời nguồn lực thực hiện các chương trình theo quy định; cân đối bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách địa phương và tăng cường các nguồn huy động, khuyến khích đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng chương trình.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững theo thứ tự ưu tiên theo địa bàn đầu tư, đối tượng thụ hưởng, trên nhu cầu giải quyết những vấn đề bức thiết nhất của từng chương trình về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các hoạt động đáp ứng nhu cầu sản xuất tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực nông thôn.

- Giải quyết có hiệu quả đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho người dân; bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở, khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động và triển khai việc xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn; bảo tồn, phát huy bản sắc, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn, gắn với phát triển du lịch nông thôn. Rà soát, đầu tư hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp, các ngành từ khâu chuẩn bị đến thực hiện dự án nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lãng phí trong quá trình thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Là cơ quan chủ quản Chương trình; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh, UBND các huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các các sở, ngành liên quan, UBND các huyện được phân công thực hiện kế hoạch triển khai theo đúng các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp đảm bảo thiết thực, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Chủ trì tham mưu, triển khai thực hiện Dự án 1; Dự án 2; Nội dung số 01 của Tiểu dự án 1 (Dự án 4); Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 4 của Dự án 5; Dự án 9; Dự án 10; của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban Dân tộc theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành.

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển; phối hợp với Ban Dân tộc rà soát, tham mưu điều chỉnh các dự án (nếu có) để báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp triển khai thực hiện Chương trình theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Quản lý và phân bổ, theo dõi, kiểm tra, quyết toán kinh phí đúng quy định; Hướng dẫn về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo quy định của Trung ương.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện Tiểu Dự án 1, Tiểu Dự án 2 của Dự án 3 (trừ nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) của Chương trình.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện và lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất ở địa bàn các xã, thôn thuộc phạm vi của Kế hoạch.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tổ chức, hướng dẫn các địa phương mở các lớp đào tạo nghề, hướng nghiệp cho lao động nông thôn; tham mưu cụ thể hóa và thực hiện kế hoạch đào tạo, dạy nghề cho lao động người dân tộc thiểu số, lao động tại các địa phương.

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn, triển khai thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5 của Chương trình.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn, triển khai thực hiện Dự án 5 của Chương trình.

7. Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn, triển khai thực hiện Dự án 6 của Chương trình.

8. Sở Y tế

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn, triển khai thực hiện Dự án 7 của Chương trình.

9. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn, triển khai thực hiện Dự án 8 của Chương trình.

9. Sở Công Thương

- Chủ trì tham mưu thực hiện nội dung “hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 và nội dung “Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung “Thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 10 và “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh trật tự” thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 10 của Chương trình.

11. Sở Tư pháp

- Chủ trì tham mưu thực hiện nội dung “Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” tiểu dự án 1, Dự án 10 của Chương trình.

13. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Chủ trì, tham mưu, hướng dẫn triển khai nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc tiểu Dự án 2, Dự án 10 của Chương trình.

14. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Trị

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện cho vay đến các đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP kịp thời, đúng quy định.

- Kiểm tra việc triển khai chính sách tín dụng thực hiện chương trình tại các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện trên địa bàn tỉnh theo quy định. Định kỳ và đột xuất (khi có yêu cầu) thực hiện báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

15. UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh

- Tổ chức quán triệt đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội và nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Căn cứ kế hoạch được giao, chủ động xây dựng và ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình năm 2023 phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp theo nhiệm vụ được giao, đảm bảo tính hiệu quả. Nội dung kế hoạch hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và gửi kế hoạch đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở, nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền địa phương trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các chương trình.

- Cân đối vốn đối ứng từ ngân sách địa phương bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm theo quy định của HĐND tỉnh về tỷ lệ đối ứng giữa các cấp ngân sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; chủ động lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư thực hiện các chương trình, đảm bảo không trùng lắp, chồng chéo giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, phù hợp với thực tế, đúng quy định.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra cấp xã thực hiện quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đúng địa bàn, đối tượng, định mức, đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện và phát huy hiệu quả thiết thực. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

16. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Đề nghị tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện kế hoạch gắn với

triển khai cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”.

- Tổ chức, phối hợp thực hiện nhiệm vụ giám sát, phản biện trong xây dựng kế hoạch, xây dựng cơ chế và việc triển khai thực hiện chương trình tại địa phương. Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện; tuyên truyền, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện kế hoạch và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện. Định kỳ 6 tháng (*trước ngày 10 tháng 6 năm 2023*) và cả năm (*trước ngày 05 tháng 9 năm 2023*) báo cáo kết quả thực hiện về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp chung (chế độ báo cáo theo quy định tại văn bản số 1452/BCĐCTMTQG-TGV ngày 05/4/2023 của BCĐ các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025).

Quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần có liên quan thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. /*th*

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- VP Điều phối Trung ương CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và miền núi (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện Hướng Hóa, Đakrông, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th). *th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 01

**NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số **130**/KH-UBND ngày **31**/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án, Tiểu dự án	Tổng dự kiến nguồn lực năm 2023	Trong đó								Ghi chú
			NSTW			NSDP			Vốn vay tín dụng	Vốn huy động hợp pháp khác	
			Tổng cộng	ĐTPT	SN	Tổng cộng	ĐTPT	SN			
	TỔNG CỘNG	499.411	396.966	192.739	204.227	39.697	19.274	20.423	52.500	10.248	
I	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH	65.084	49.851	37.120	12.731	4.985	3.712	1.273		10.248	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết	31.614	28.740	22.350	6.390	2.874	2.235	639			
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	98.128	89.207	0	89.207	8.921	0	8.921			
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	37.751	34.319		34.319	3.432		3.432			
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	60.377	54.888		54.888	5.489		5.489			
3	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	0	0			0					
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc	115.048	104.589	95.045	9.544	10.459	9.505	954			
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	115.048	104.589	95.045	9.544	10.459	9.505	954			

TT	Dự án, Tiểu dự án	Tổng dự kiến nguồn lực năm 2023	Trong đó								Ghi chú
			NSTW			NSDP			Vốn vay tín dụng	Vốn huy động hợp pháp khác	
			Tổng cộng	ĐTPT	SN	Tổng cộng	ĐTPT	SN			
2	Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc	0	0			0	0				
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	43.273	39.339	12.250	27.089	3.934	1.225	2.709			
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	22.235	20.214	12.250	7.964	2.021	1.225	796			
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	464	422		422	42	0	42			
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	14.419	13.108		13.108	1.311	0	1.311			
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	6.155	5.595		5.595	560	0	560			
VI	Dự án 6: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	36.719	33.381	25.974	7.407	3.338	2.597	741			
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng Trẻ em	3.820	3.473		3.473	347	0	347			
VII I	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	10.138	9.216		9.216	922	0	922			
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm DTTS còn nhiều khó khăn	37.145	33.768	-	33.768	3.377	-	3.377	-	-	

TT	Dự án, Tiểu dự án	Tổng dự kiến nguồn lực năm 2023	Trong đó								Ghi chú
			NSTW			NSDP			Vốn vay tín dụng	Vốn huy động hợp pháp khác	
			Tổng cộng	ĐTPT	SN	Tổng cộng	ĐTPT	SN			
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	34.363	31.239		31.239	3.124	0	3.124			
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2.782	2.529		2.529	253	0	253			
X	Dự án 10:Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình	5.942	5.402	-	5.402	540	-	540			
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	3.127	2.843		2.843	284	0	284			
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.275	1.159		1.159	116	0	116			
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	1.540	1.400		1.400	140	0	140			

Ghi chú: Ngân sách địa phương đối ứng có thể bằng tiền hoặc bằng chương trình độc lập và phải đảm bảo tối thiểu bằng 10% vốn phân bổ của ngân sách trung ương.

Phụ biểu 02
TỔNG HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Kế hoạch số: 130/KH-UBND ngày 31/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Lấy kế bố trí đến hết năm 2022		Kế hoạch năm 2023		Tổng số dự án	Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW			
	TỔNG CỘNG				548.907	465.649	548.907	465.649	120.062	101.659	203.435	192.739	226	84	
I	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH				198.224	131.163	198.224	131.163	56.972	40.127	47.368	37.120	26	1	
1	HUYỆN HUỠNG HÓA				68.664	67.650	68.664	67.650	21.985	21.585	19.659	19.659	14	0	
1.1	Hỗ trợ đất ở	UBND các xã	Trên địa bàn các xã		11.680	11.680	11.680	11.680	3.440	3440	2640	2640			
1.2	Hỗ trợ nhà ở	UBND các xã	Trên địa bàn các xã		24.880	24.880	24.880	24.880	7.120	7.120	5480	5480			
1.3	Hỗ trợ đất sản xuất	UBND các xã	Trên địa bàn các xã		11.835	11.835	11.835	11.835	3.420	3.420	2655	2655			
1.4	Công trình nước sinh hoạt tập trung	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	Trên địa bàn các xã		20.269	19.255	20.269	19.255	8.005	7.605	8.884	8.884			
2	HUYỆN ĐAKRÔNG	HUYỆN ĐAKRÔNG			115.382	52.484	115.382	52.484	31.908	15.463	22.188	11.940	9	1	
2.1	Hỗ trợ đất ở	Phòng Dân tộc và UBND xã	Trên địa bàn các xã		36.435	13.880	36.435	13.880	13.965	5.320	5692,5	2280			
2.2	Hỗ trợ nhà ở	UBND các xã	Trên địa bàn các xã		53.485	22.520	53.485	22.520	11.250	5.000	6145	2720			
2.3	Hỗ trợ đất sản xuất	UBND các xã	Trên địa bàn các xã		12.100	2.723	12.100	2.723	2.000	450	4400	990			
2.4	Công trình nước sinh hoạt tập trung	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	Trên địa bàn các xã		13.362	13.362	13.362	13.362	4.693	4.693	5.950	5.950			
3	HUYỆN VĨNH LINH				5.390	2.240	5.390	2.240	-	-	2.062	2.062	1	0	
3.1	Hỗ trợ nhà ở	UBND các xã	Trên địa bàn các xã		5.390	2.240	5.390	2.240			2062	2062	x		
4	HUYỆN GIO LINH				7.910	7.910	7.910	7.910	2.800	2.800	3.067	3.067	1	0	
4.1	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Linh Trường	Xã Linh Trường		7.910	7.910	7.910	7.910	2.800	2.800	3067	3067			
5	HUYỆN CAM LỘ				879	879	879	879	279	279	392	392	1	0	
5.1	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Cam Tuyền	Thôn Bán Chùa		879	879	879	879	279	279	392	392			
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết				70.858	70.385	70.858	70.385	14.803	14.718	22.473	22.350	6	0	
1	Huyện Hướng Hóa				16.776	16.776	16.776	16.776	5.069	5.069	7.697	7.697	1	0	
2	Huyện Đakrông				44.628	44.628	44.628	44.628	8.033	8.033	12.198	12.198	4	0	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Lấy kế bố trí đến hết năm 2022		Kế hoạch năm 2023		Tổng số dự án	Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW			
3	Huyện Vĩnh Linh				9.454	8.981	9.454	8.981	1.701	1.616	2.578	2.455	1	0	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc				187.698	179.157	187.698	179.157	35.818	34.591	95.295	95.045	145	66	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				187.698	179.157	187.698	179.157	35.818	34.591	95.295	95.045	145	66	
1.1	Huyện Hướng Hóa				101.435	96.367	101.435	96.367	24.448	23.221	48.134	48.134	77	32	
1.2	Huyện Đakrông				65.850	63.150	65.850	63.150	10.109	10.109	34.394	34.394	44	27	
1.3	Huyện Vĩnh Linh				14.520	13.747	14.520	13.747	-	-	8.586	8.336	13	5	
1.4	Huyện Gio Linh				5.243	5.243	5.243	5.243	1.003	1.003	3.789	3.789	10	2	
1.5	Huyện Cam Lộ				650	650	650	650	258	258	392	392	1	0	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				28.474	23.005	28.474	23.005	3.127	3.127	12.325	12.250	18	0	
I	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số				28.474	23.005	28.474	23.005	3.127	3.127	12.325	12.250	18	0	
1.1	Huyện Hướng Hóa				11.060	11.060	11.060	11.060	1.920	1.920	5.514	5.514	7	0	
1.2	Huyện Đakrông				12.039	8.359	12.039	8.359	1.207	1.207	4.425	4.425	7	0	
1.3	Huyện Vĩnh Linh				5.375	3.586	5.375	3.586	-	-	2.386	2.311	4	0	
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				63.653	61.938	63.653	61.938	9.343	9.096	25.974	25.974	31	17	
1	Huyện Hướng Hóa				24.307	23.092	24.307	23.092	4.963	4.716	13.751	13.751	20	11	
2	Huyện Đakrông				38.245	37.745	38.245	37.745	4.380	4.380	11.122	11.122	9	6	
3	Huyện Gio Linh				1.101	1.101	1.101	1.101	-	-	1.101	1.101	2	0	

Ghi chú: Ngân sách địa phương đối ứng có thể bằng tiền hoặc bằng chương trình độc lập và phải đảm bảo tối thiểu bằng 10% vốn phân bổ của ngân sách trung ương.

Phụ biểu 03

TỔNG HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 130 /KH-UBND ngày 31 /5/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Đơn vị, địa phương	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023		
		Tổng số dự án	Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Tỷ lệ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù
	TỔNG SỐ	226	84	37%
I	Cấp tỉnh	0	0	
II	Cấp huyện	226	84	37%
1	Huyện Hướng Hóa	119	43	36%
2	Huyện Đakrông	73	34	47%
3	Huyện Cam Lộ	2	0	0%
4	Huyện Gio Linh	13	2	15%
5	Huyện Vĩnh Linh	19	5	26%